TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀNG ĐỊNH** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2024/HS-ST
Ngày 30-7-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀNG ĐỊNH, TỈNH LẠNG SƠN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Viết Tiến;

Ông Nguyễn Đức Thọ.

Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Mai Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Đoàn Đức Trọng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024 Toà án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 31/2024/TLST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn đối với các bị cáo:

1. **Hoàng Thị H**, tên gọi khác: Không; sinh ngày 30/10/1983 tại huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn C, xã Đ, huyện T, tỉnh L; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hoàng Mạnh H sinh năm 1953; con bà: Bế Thị V, sinh năm 1957; Chồng: Bế Văn N, sinh năm 1984; Con: Có 03 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo hiện đang bị bắt tại nhà tạm giữ Công an huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn từ ngày 09/11/2023 cho đến nay, có mặt.

2. **Hoàng Văn T**, tên gọi khác: Không, sinh ngày 20/11/1986 tại huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn K, xã K, huyện T, tỉnh L; chỗ ở hiện nay: Thôn A, xã T, huyện T, tỉnh L; nghề nghiệp: Cán bộ; Trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Triệu Văn P, sinh năm 1954; con bà: Hoàng Thị M, sinh năm 1950; Vợ: Triệu Thị D, sinh năm 1988; Con: Có 03 con,

con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án hình sự, chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo quyết định số 148/QĐ/UBKTHU ngày 21/5/2024 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/01/2024 đến nay, có mặt.

- *Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn T*: Bà Lương Thị Hương Lan - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Trương Văn N , sinh năm 1982. Địa chỉ: Khu N, thị trấn T, huyện T, tỉnh L, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Chị Hoàng Thị H1, sinh năm 1982. Địa chỉ: Khu N, thị trấn T, huyện T, tỉnh L, vắng mặt (đang tạm giam trong vụ án khác).

3. Chị Vũ Thị Ngọc D, sinh năm 1983. Địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện T, tỉnh L, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. Chị Nông Huyền T1, sinh năm 1992. Địa chỉ: Khu B, thị trấn T, huyện T, tỉnh L, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

5. Ông Nguyễn Đức T2, sinh năm 1969. Địa chỉ: Khu B, thị trấn T, huyện T, tỉnh L, vắng mặt.

6. Bà Nông Thị T3, sinh năm 1959. Địa chỉ: Khu M, thị trấn T, huyện T, tỉnh L, vắng mặt.

7. Chị Nông Thị T4, sinh năm 1970. Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện T, tỉnh L, vắng mặt.

8. Anh Đinh Quang N1, sinh năm 1988. Địa chỉ: Khu M, thị trấn T, huyện T, tỉnh L, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt);

9. Anh Nguyễn Trọng H2, sinh năm 1979. Địa chỉ: Khu H, thị trấn T, huyện T, tỉnh L, vắng mặt.

10. Chị Nông Thị Thúy N2, sinh năm 1976. Địa chỉ: Khu M, thị trấn T, huyện T, tỉnh L, vắng mặt.

11. Bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1966. Địa chỉ: Khu M, thị trấn T, huyện T, tỉnh L, có mặt.

12. Bà Lại Thị Minh T5, sinh năm 1966. Địa chỉ: Khu M, thị trấn T, huyện T, tỉnh L, vắng mặt.

13. Anh La Trung K, sinh năm 1990. Địa chỉ: Khu H, thị trấn T, huyện T, tỉnh L, vắng mặt.

14. Anh Hoàng Trường M, sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn N, xã K, huyện T, tỉnh L, có mặt.

15. Anh La Văn C, sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn P, xã K, huyện T, tỉnh L, có mặt.

16. Anh Hoàng Văn K1, sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh L, vắng mặt.

17. Chị Hoàng Ngọc B, sinh năm 1976. Địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện T, tỉnh L, vắng mặt.

18. Anh Nguyễn Phương Đ, sinh năm 1978. Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh L, vắng mặt.

19. Chị Chu Thị H4, sinh năm 1982. Địa chỉ: Khu M, thị trấn T, huyện T, tỉnh L, vắng mặt.

20. Anh La Văn T6, sinh năm 1969. Địa chỉ: Thôn P, xã K, huyện T, tỉnh L, vắng mặt.

21. Anh La Thanh H5, sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn N, xã K, huyện T, tỉnh L, có mặt.

22. Chị Lương Thị H6, sinh năm 1975. Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện T, tỉnh L, có mặt.

23. Ủy ban nhân dân xã Kim Đồng, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn

Người đại diện theo pháp luật của UBND xã Kim Đồng: Ông Hoàng Văn Lâm – Chủ tịch, có mặt.

24. Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1974. Địa chỉ: Khu 4, thị trấn T, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt;

25. Bà Lã Minh N3, sinh năm 1963. Địa chỉ: Số 06, ngõ 615, đường Bà Triệu, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, vắng mặt;

26. Anh Bế Thành L2, sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn Kéo Quân, xã Tri Phương, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt;

27. Chị Trần Thu C, sinh năm 1978. Địa chỉ: Khu 3, thị trấn T, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt;

28. Chị Trần Thu T, sinh năm 1983. Địa chỉ: Khu 3, thị trấn T, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 3/2020, Hoàng Thị H là công chức Kế toán - Tài chính UBND xã Kim Đồng đã đưa hợp đồng cung cấp chữ ký số lập sẵn với Trung tâm viễn thông Vinaphone Chi nhánh huyện Tràng Định cho Hoàng Văn T là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã ký để làm thủ tục đăng ký chuyển đổi đơn vị sử dụng chữ ký số phục vụ thanh toán trên dịch vụ công trực tuyến. Sau đó, Hoàng Thị H trực tiếp đến Trung tâm viễn thông Vinaphone Chi nhánh huyện Tràng Định nhận USB chữ ký số của Hoàng Văn T đem về và tự ý sử dụng lập các chứng từ rút tiền trong tài khoản số 952741078295 của Ủy ban nhân dân xã Kim Đồng tại Kho bạc Nhà nước huyện Tràng Định. Hợp làm thủ tục thay đổi mẫu dấu, mẫu chữ ký với Kho bạc Nhà nước huyện Tràng Định, chữ ký chủ tài khoản là Hoàng Văn T, chữ ký người được uỷ quyền là ông Hoàng Trường M là Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã và chữ ký kế toán trưởng là Hoàng Thị H. Lúc này, Hoàng Thị H đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền từ tài khoản của UBND xã Kim Đồng nên đã liên hệ và thỏa thuận với các hộ kinh doanh trên địa bàn huyện Tràng Định cung cấp dịch vụ ăn uống, thiết bị văn phòng phẩm, máy tính, máy in... gồm các hộ kinh doanh: Hoàng Văn H; Bế Thành L2; Lã Minh N3; Trần Thu C để viết khống các hóa đơn với các hàng hóa, dịch vụ rồi làm thủ tục thanh toán, sau khi trừ đi 08-10% trị giá hóa đơn khống thì chuyển lại tiền vào tài khoản cá nhân của H theo các số tài khoản 8408215037412 và 8408215038359 lập tại Ngân hàng Agribank, chi nhánh huyện Tràng Định.

Từ tháng 3/2020 đến tháng 6/2021 lập khống chuyển tiền từ tài khoản của Ủy ban nhân dân xã đến tài khoản các hộ kinh doanh, với tổng số tiền **219.936.000 đồng**. Sau khi nhận được tiền H chuyển đến, các hộ kinh doanh đã chuyển khoản vào tài khoản số 8408215037412 và 8408215038359 của H tổng số tiền **156.112.000 đồng**, sau đó H rút ra chiếm đoạt, sử dụng vào mục đích cá nhân hết. Hoàng Văn T sau khi cho H đi đăng ký, sử dụng chữ ký số T đã không kiểm tra, đôn đốc H tiếp nhận, bàn giao chữ ký số của mình để quản lý, sử dụng theo quy định. Đến khoảng tháng 6/2021, T phát hiện H đang tự ý cất giữ, sử dụng chữ ký số của T nên yêu cầu giao nộp lại chữ ký số cho T quản lý, nhưng không sử dụng.

Đến ngày 07/7/2021, Hoàng Thị H đến Trung tâm viễn thông Vinaphone Chi nhánh huyện Tràng Định, lập hợp đồng đăng ký cung cấp, sử dụng chữ ký số của ông Hoàng Trường M, Phó chủ tịch.

Từ tháng 7/2021 đến tháng 12/2021 Hoàng Thị H đã tự ý sử dụng chữ số của ông M để ký duyệt chi trong đó có 03 chứng từ do H lập khống chuyển tiền ngân sách trong tài khoản số 952741078295 của Ủy ban nhân dân xã đến tài khoản của các hộ kinh doanh với tổng số tiền **56.728.000 đồng**. Sau khi nhận được tiền H chuyển thanh toán, các cá nhân trên trừ 08 – 10% tiền hoá đơn bán hàng và số tiền bán hàng thực tế rồi chuyển khoản vào tài khoản số 8408215037412 và 8408215038359 của Hợp tổng số tiền **31.900.000 đồng,** sau đó H sử dụng vào mục đích cá nhân hết.

Tại Cơ quan điều tra Hoàng Thị H đã thừa nhận hành vi cất giữ và tự ý sử dụng chữ ký số của ông Hoàng Văn T và Hoàng Trường M để ký duyệt chi 13 chứng khống rút số tiền **276.664.000 đồng** từ ngân sách Ủy ban nhân dân xã

Kim Đồng chuyển khoản thanh toán cho các hộ kinh doanh để chiếm đoạt số tiền **188.012.000 đồng** sử dụng mục đích cá nhân, gây thiệt hại cho ngân sách Ủy ban nhân dân xã Kim Đồng số tiền **208.902.000 đồng**.

Bị cáo Hoàng Văn T khai nhận: Trong quá trình điều hành công việc nhưng do quản lý lỏng lẻo, tin tưởng và giao cho Hoàng Thị H thực hiện T bộ các hoạt động kế toán trong cơ quan, không có sự kiểm tra dẫn đến Hoàng Thị H đã lợi dụng sơ hở để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của nhà nước. Trước khi mở phiên tòa nhận thấy trách nhiệm của bản thân nên bị cáo đã nộp 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tràng Định để khắc phục hậu quả.

Các hộ kinh doanh gồm: Trần Thu T, Lã Minh Ng3, Bế Thành L2, Hoàng Văn H là người cung cấp các hóa đơn chứng từ khống cho Hoàng Thị H, các đối tượng khai nhận do H đặt vấn đề được hưởng lợi tiền phần trăm hóa đơn nên đồng ý, các đối tượng không biết việc H sử dụng các chứng từ khống này để chiếm đoạt tiền trong tài khoản của Ủy ban nhân dân xã Kim Đồng cho bản thân, phù hợp với lời khai của các bị cáo, với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Hoàng Văn H nhận 10% số tiền 99.611.111 đồng mà Hoàng Thị H đã chuyển tưởng ứng với số tiền 9.961.111 đồng, đã nộp lại số tiền 6.466.250 đồng cho Cơ quan Cảnh sát điều tra; Lã Minh N3 nhận 10% số tiền 35.000.000 đồng, tương ứng với số tiền 3.500.000 đồng, đã nộp lại cho Cơ quan cảnh sát điều tra 1.577.000 đồng; Bế Thành L2 nhận 10% số tiền 50.611.111 đồng, tương ứng với số tiền 5.061.111 đồng, đã nộp lại cho cơ quan cảnh sát điều tra 4.015.000 đồng; Trần Thu T nhận 10% số tiền 23.680.000 đồng, tương ứng với số tiền 2.368.000 đồng, đã nộp lại cho cơ quan cảnh sát điều tra 5.684.000 đồng (nhiều hơn số tiền được hưởng 3.316.000 đồng).

Cáo trạng số: 32/CT-VKSTĐ ngày 14 tháng 5 năm 2024 truy tố các bị cáo: Bị cáo **Hoàng Thị H,** về tội: Tham ô tài sản, quy định tại các điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự. Bị cáo **Hoàng Văn T,** về tội: Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng, quy định tại điểm d khoản 1 Điều 360 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi như Cáo trạng đã nêu. Lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu có trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố về tội danh như Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt chính: Áp dụng điểm c, d khoản 2, khoản 5 Điều 353; Điều 38, Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Hoàng Thị H mức án từ 07 năm 06 tháng tù đến 08 năm 06 tháng tù; Cấm đảm nhận nhiệm vụ kế toán trong thời hạn 02 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù. Áp dụng điểm d khoản 1, khoản 4 Điều 360; Điều 38, Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Hoàng Văn T mức án từ 18 tháng đến 24 tháng tù. Cấm đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công

việc quản lý tài chính trong thời hạn 02 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Biện pháp tư pháp: Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 208.902.000 đồng (Hai trăm linh tám triệu chín trăm linh hai nghìn đồng) trong đó: Bị cáo Hoàng Văn T đã nộp 30.000.000 đồng theo biên lai số: 0001909 ngày 29/7/2024 và 20.000.000 đồng theo biên lai số: 0001896 ngày 30/7/2024 tại chi cục thi hành án dân sự; tịch thu đối với Hoàng Văn H 9.961.111 đồng, đã nộp 6.466.250 đồng, truy thu 3.494.861 đồng; tịch thu đối với Lã Minh N3 3.500.000 đồng, đã nộp 1.577.000 đồng, truy thu 1.923.000 đồng; tịch thu đối với Bế Thành L2 5.061.111 đồng, đã nộp 4.015.000 đồng, truy thu 1,046,111đồng; tịch thu đối với Trần Thu T 2.368.000 đồng, đã nộp 5.684.000 đồng, cần trả lại 3.316.000 đồng. Số tiền còn lại 138.012.000 đồng cần phải truy thu đối với Hoàng Thị H để nộp ngân sách nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy: 03 USB có chứa chữ ký của Hoàng Văn T; Hoàng Trường M; Hoàng Thị H và 01 quyển sổ tay ghi chép màu đỏ.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, các bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm hình sự 200.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn T nhất trí với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, mức hình phạt, nhưng đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo Hoàng Văn T được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là "người dân tộc thiểu số, cư trú và sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn", căn cứ tính chất mức độ của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ của bị cáo, nhân thân, nơi cư trú, điều kiện hoàn cảnh, động cơ, mục đích phạm tội cho bị cáo Hoàng Văn T được hưởng án treo.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa không có ý kiến gì.

Tại phần tranh luận các bị cáo không có ý kiến gì tranh luận. Lời nói sau cùng của các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo yên tâm cải tạo sớm được trở về đoàn tụ cùng gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự và thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố

và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc vắng mặt của những người vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng những người này đã có lời khai được lưu giữ trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng gì đến quá trình giải quyết vụ án, căn cứ vào Điều 292 và Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án.

[3] Về hành vi phạm tội: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa đủ cơ sở kết luận: Từ tháng 03/2020 đến tháng 12/2021, bị cáo Hoàng Thị H là kế toán của UBND xã Kim Đồng, đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn và sơ hở, thiếu trách nhiệm quản lý của chủ tài khoản Ủy ban nhân dân xã Kim Đồng số 952741078295 mở tại Kho bạc Nhà nước huyện Tràng Định, sử dụng USB chữ ký số của bị cáo Hoàng Văn T và ông Hoàng Trường M ký duyệt 13 chứng từ lập khống, gây thiệt hại cho Nhà nước số tiền **208.902.000** đồng, chiếm đoạt được số tiền **188.012.000** đồng từ ngân sách Nhà nước. Bản thân bị cáo Hoàng Văn T là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Kim Đồng và là chủ tài khoản từ tháng 3/2020 đến tháng 12/2021 đã thiếu trách nhiệm, không kiểm tra, đôn đốc dẫn đến Hoàng Thị H đã lợi dụng sơ hở tự ý ký duyệt chi 13 chứng từ lập khống gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước với tổng số tiền **208.902.000** đồng. Như vậy bị cáo **Hoàng Thị H** phạm tội: Tham ô tài sản, quy định tại các điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự. Bị cáo **Hoàng Văn T,** phạm tội: Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng, quy định tại điểm d khoản 1 Điều 360 Bộ luật Hình sự.

[4] Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội một cách độc lập.

[5] Về tính chất, hậu quả mức độ của hành vi phạm tội: Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức được hành vi của mình nhưng bị cáo Hợp vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Hành vi của Hoàng Thị H trong vụ án này đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức; xâm phạm đến Quyền sỡ hữu hợp pháp về tài sản của cơ quan, tổ chức và cá nhân được Hiến pháp và pháp luật bảo vệ. Hành vi của Hoàng Văn T mặc dù là lỗi vô ý nhưng cũng đã gây hậu quả nghiêm trọng, xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức; làm cho cơ quan, tổ chức bị suy yếu, mất uy tín, mất lòng tin của nhân dân vào chế độ; gây thất thoát, lãng phí nghiêm trọng đến tài sản của cơ quan, tổ chức. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt ngoài việc xem xét tính chất, mức độ hành vi của việc phạm tội còn phải xem xét đến nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt mới tương xứng với hành vi mà các bị cáo gây ra.

[6] Về nhân thân: Các bị cáo đều là người có nhân thân tốt.

[7] Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[8] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm Hình sự: Các bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Bị cáo Hoàng Văn T có nhiều thành tích xuất sắc được khen thưởng trong quá trình công tác; bản thân nhận thức được trách nhiệm bản thân nên đã tự nguyện nộp 50.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn để khắc phục hậu quả nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[9] Về hình phạt bổ sung: Đối với người giữ chức vụ, quyền hạn nhất định và người làm việc liên quan đến lĩnh vực tài chính, kế toán có thể ảnh hưởng đến việc sau cải tạo, giáo dục, nhất là công tác liên quan đến lĩnh vực tài chính. Do đó, cần áp dụng hình phạt bổ sung cấm đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc nhất định trong một thời gian kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù.

[10] Đối với ông Hoàng Trường M, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Kim Đồng từ tháng 01/2020 đến tháng 3/2022, không được uỷ quyền làm chủ tài khoản, quản lý tài chính, ngân sách xã Kim Đồng. Việc Hợp lập hợp đồng cung cấp và sử dụng chữ ký số của ông M là do H tự thực hiện, không báo cáo và cho ông M ký hợp đồng. Do đó, không xem xét xử lý đối với ông Hoàng Trường M.

[11] Đối với Trần Thu T, Lã Minh N3, Bế Thành L2, Hoàng Văn H có hành vi xuất bán hoá đơn bán hàng khống và hoá đơn viết kê nâng giá trị trái phép cho Hoàng Thị H với số lượng hoá đơn bán hàng và số tiền hưởng lợi từ bất chính đều chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự về tội: Mua bán trái phép hoá đơn, quy định tại Điều 203 Bộ luật Hình sự. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tràng Định đã chuyển các tài liệu liên quan đến vi phạm cho Cơ quan Thuế Khu vực III, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn để xem xét, xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền quy định.

[12] Đối với Trần Thu C có hành vi cho người khác mượn giấy phép kinh doanh để sử dụng kinh doanh đã vi phạm điểm b, khoản 1, Điều 6, Nghị Định 98/2020/NĐ-CP, ngày 26/8/2020, Quy định xử phạt hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Hành vi trên của C đã chấm dứt từ ngày 08/8/2021, đã hết thời hiệu xử phạt hành chính nên không xử phạt hành chính đối với C.

[13] Đối với Trần Thu T có hành vi mượn giấy phép kinh doanh của người khác để thực hiện việc kinh doanh đã vi phạm điểm c, khoản 1, Điều 6, Nghị Định 98/2020/NĐ-CP, ngày 26/8/2020, Quy định xử phạt hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Hành vi trên của T đã chấm dứt từ ngày 08/8/2021, đã hết thời hiệu xử phạt hành chính nên không xử phạt hành chính đối với T.

[14] Đối với Hoàng Văn K1, Giám đốc Trung tâm viễn thông Vinaphone huyện Tràng Định có hành vi cung cấp Hợp đồng giữa các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng với thuê bao không đầy đủ các nội

dung và không bàn giao tài liệu theo quy định theo quy định đã vi phạm điểm đ, khoản 1 và điểm a, khoản 5, Điều 109, Nghị định 15/2020/NĐ-CP, ngày 03 tháng 02 năm 2020, Quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực Bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử. Tuy nhiên, hành vi của Hoàng Văn K1 đã chấm dứt từ tháng 7/2021, đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính nên không xem xét xử lý.

[15] Về xử lý vật chứng: Đối với 03 chiếc USB chứa chữ ký số của Hoàng Văn T; Hoàng Trường M; Hoàng Thị H và 01 quyển sổ màu đỏ thu giữ của Hoàng Thị H không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu để tiêu hủy.

[16] Những gì khác với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử đều không được chấp nhận.

[17] Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử nhận thấy cần cách ly các bị cáo Hoàng Thị H ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định cho bị cáo đi cải tạo tập trung để bị cáo nhận thức được hành vi của mình, đồng thời giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội. Bị cáo Hoàng Văn T có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, căn cứ tính chất mức độ của hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử xét thấy cho bị cáo cải tạo tại địa phương, dưới sự giám sát của Ủy ban nhân dân xã nơi bị cáo cư trú cũng đủ để bị cáo nhận thức được hành vi của mình và răn đe những người có ý định phạm tội tương tự.

[18] Về án phí: Bị cáo Hoàng Thị H, phải chịu án phí theo khoản 2 Điều 135, khoản 2, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo Hoàng Văn T là người dân tộc thiểu số, cư trú và sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí. Căn cứ vào điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, Hội đồng xét xử chấp nhận miễn án phí hình sư sơ thẩm cho bị cáo Hoàng Văn T.

[19] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331; khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c, d khoản 2; khoản 5 Điều 353; Điều 46; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo **Hoàng Thị H.**

Căn cứ điểm d khoản 1; khoản 4 Điều 360; Điều 46; Điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65; Điều 50 Bộ luật hình sự đối với bị cáo **Hoàng Văn T.**

Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2, điểm a , b khoản 3 Điều 106; khoản 1, khoản 4 Điều 331; khoản 1 Điều 333; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ Điều 15; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về tội danh:

1.1. Tuyên bố bị cáo Hoàng Thị H phạm tội "Tham ô tài sản".

1.2. Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn T phạm tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng".

2. Về hình phạt chính:

2.1. Xử phạt bị cáo Hoàng Thị H 07 (bẩy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 09/11/2023.

2.2. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T 02 (hai) năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (30/7/2024) giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Tân Tiến, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn phối hợp cùng gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố tình vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Hình phạt bổ sung:

3.1. Cấm bị cáo Hoàng Văn T đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc quản lý tài chính trong thời hạn 02 năm kể từ ngày chấp hành xong thời gian thử thách.

3.2. Cấm bị cáo Hoàng Thị H đảm nhận nhiệm vụ kế toán trong thời hạn 02 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

4. Biện pháp tư pháp: Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền **208.902.000 đồng** (Hai trăm linh tám triệu chín trăm linh hai nghìn đồng) trong đó:

4.1. Xác nhận bị cáo Hoàng Văn T đã nộp 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng theo biên lai số: 0001909 ngày 29/7/2024 và 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) theo biên lai số: 0001896 ngày 30/7/2024 tại chi cục thi hành án dân sự. Tổng số tiền Hoàng Văn T đã nộp là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

4.2. Tịch thu đối với Hoàng Văn H 9.961.111 đồng (chín triệu, chín trăm sáu mươi mốt nghìn, một trăm mười một nghìn đồng), đã nộp 6.466.250 đồng (sáu triệu, bốn trăm sáu mươi sáu nghìn, hai trăm năm mươi nghìn đồng), truy thu 3.494.861 đồng (ba triệu, bốn trăm chín mươi tư nghì, tám trăm sáu mươi mốt nghìn đồng).

4.3. Tịch thu đối với Lã Minh N3 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng). đã nộp 1.577.000 đồng (một triệu, năm trăm bẩy mươi bẩy nghìn đồng), truy thu 1.923.000 đồng (một triệu, chín trăm hai mươi ba nghìn đồng)

4.4. Tịch thu đối với Bế Thành L2 5.061.111 đồng (năm triệu, không trăm sáu mươi mốt nghìn, một trăm mười một nghì đồng), Bế Thành L2 đã nộp 4.015.000 đồng (bốn triệu, không trăm mười năm nghìn đồng), truy thu 1,046,111 đồng (một triệu, không trăm bốn mươi sáu nghìn một trăm mười một nghìn đồng).

4.5. Tịch thu đối với Trần Thu T 2.368.000 đồng (hai triệu, ban trăm sáu mươi tám nghìn đồng) đã nộp 5.684.000 đồng (năm triệu, sáu trăm tám mươi tám nghìn đồng). Trả lại cho Trần Thu T 3.316.000 đồng (ba triệu, ba trăm mười sáu nghìn đồng).

4.6. Truy thu đối với Hoàng Thị H số tiền 138.012.000 đ (một trăm ba mươi tám triệu không trăm mười hai nghìn đồng).

5. Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 03 chiếc USB chứa chữ ký số của Hoàng Văn T; Hoàng Trường M; Hoàng Thị H và 01 quyển sổ màu đỏ thu giữ của Hoàng Thị H.

(Vật chứng nêu trên đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15 tháng 05 năm 2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn).

6. Về án phí: Bị cáo Hoàng Thị H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách nhà nước. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Hoàng Văn T.

7. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết./

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Tràng Định;
- CQ Điều tra CA huyện Tràng Định;
- CQ THAHS huyện Tràng Định;
- Chi cục THA DS huyện Tràng Định;
- UBND xã Kim Đồng; Đ; Tân Tiến, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ.
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Hoàng Văn Bình